

Số: 30 /KH -TrTH

Thanh Nưa, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2025 - 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.
- Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT v/v xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT. Công văn số 67/PGDĐT-GDTH ngày 20/01/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2020-2021.
- Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT V/v Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh.
- Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018; Căn cứ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT V/v tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải

nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

- Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của BGDĐT; Công văn số 652/SGDĐT-GDMT của SGD&ĐT tỉnh Điện Biên; Công văn số 360/PGDĐT-GDTH của PGD &ĐT huyện Điện Biên về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

- Căn cứ Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của BGDĐT Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1.

Căn cứ hướng dẫn nhiệm vụ năm học: công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch thời gian năm học do UBND tỉnh, xã ban hành: Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Nưa;

Trường Tiểu học Hua Thanh xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Thanh Nưa là xã biên giới, được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Hua Thanh, Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Hưng, Thanh Chăn; phía Bắc giáp xã Mường Mươn; phía Nam giáp xã Thanh Yên; phía Đông giáp phường Điện Biên Phủ và phường Mường Thanh; phía Tây giáp nước CHDCND Lào. Xã có chiều dài đường biên giới tiếp giáp với nước CHDCND Lào là 38,88km; tổng diện tích tự nhiên 176,97km², có 73 thôn/bản, dân số khoảng 29.397 nhân khẩu gồm 06 dân tộc chính cùng sinh sống.

Xã Thanh Nưa luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành. Kinh tế của xã có sự tăng trưởng rõ rệt, văn hóa xã hội tiếp tục được duy trì và phát triển; an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng lên.

Thanh Nưa là xã thuần nông, nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Kinh tế chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp nên thường có nhiều biến động, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Thời tiết thiên nhiên diễn biến bất thường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Một số gia đình có liên quan đến tệ nạn xã hội nên ảnh hưởng nhiều đến việc chăm lo, quan tâm giáo dục các em học sinh.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người dân.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục khá nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

** Thuận lợi:*

Trong điều kiện công nghệ 4.0, giáo viên có nhiều kênh để học hỏi, tăng cường kiến thức, đáp ứng và hội nhập với sự phát triển.

Đảng và nhà nước quan tâm, có chính sách hỗ trợ cho giáo viên học hỏi, nâng cao trình độ.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của UBND xã, Phòng VH - XH, của Cấp ủy, chính quyền địa phương xã Thanh Nưa đã tạo điều kiện giúp đỡ nhà trường trong việc đảm bảo cơ sở vật chất và huy động học sinh ra lớp.

Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường có chuyên môn và được chuẩn hóa, nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết tốt, có trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao.

Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

** Khó khăn:*

Điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ một bộ phận nhân dân dân trí còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn, mức thu nhập thấp; nhận thức của một bộ phận nhỏ nhân dân về công tác giáo dục còn hạn chế, việc quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em chưa nhiều, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Địa bàn dân cư khá rộng, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí ở một bộ phận nhân dân còn thấp, nhận thức của một bộ phận nhân dân về công tác giáo dục còn hạn chế; việc quan tâm, chưa đầu tư cho việc học tập của con em, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 18 lớp với số 426 học sinh (05 học sinh khuyết tật), được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật	HS diện chính sách (NĐ/81/2021)					HS khuyết tật TT 42/2013	Học sinh bán trú
							Tổng	Mồ côi	KT	Hộ nghèo	Thôn/bản ĐBKK		
1	4	61	29	61	29	0	59	4	0	8	59	0	0
2	4	83	30	81	29	1	80	0	1	8	80	0	0
3	3	92	38	92	38	4	92	0	4	26	92	3	29
4	4	90	46	89	46	0	81	0	0	21	81	0	20
5	3	100	51	99	51	0	97	3	0	22	97	0	18
Tổng	18	426	194	422	193	5	409	7	5	85	409	3	67

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.
- Số học sinh/lớp bình quân học sinh/lớp: 23,7
- Tỷ lệ học sinh nữ: 194/426, chiếm 45,5%
- Tỷ lệ học sinh dân tộc: 422/426, chiếm 99,1%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	2	0	0	2	0	0	0	
GV	30	23	11	1	27	2	0	0	
NV	4	2	0	0	2	0	1	1	
Tổng	36	27	11	1	31	2	1	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng 01; Phó hiệu trưởng 01.
- Tổng số giáo viên: 30, trong đó: Giáo viên văn hóa: 22, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 02; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01. (01 giáo viên văn hóa kiêm Tổng phụ trách đội).
- Tổng số nhân viên: 4 người trong đó: Kế toán: 01; Y tế: 01; Phục vụ: 01; bảo vệ: 01. (Nhân viên phục vụ, bảo vệ diện hợp đồng).

c. Về thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi

- Về đội ngũ giáo viên:

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng

yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng anh: 02; Thể dục: 02; Âm nhạc: 01; Mỹ thuật: 01; Tin học công nghệ: 01; giáo viên làm công tác Đội: 01). Đội ngũ có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;

100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Về đội ngũ nhân viên:

Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về cán bộ quản lý:

Trường có 02 CBQL, 02 đồng chí có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên:

Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.

- Về đội ngũ nhân viên:

Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

Nhân viên phục vụ và nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

Việc sử dụng ngoại ngữ trong công tác quản trị nhà trường còn hạn chế.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Về CSVC: Tổng số phòng học: 18 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 10 phòng; Pá Sáng: 02 phòng, Nậm Ty: 06 phòng).

Tổng số phòng học bộ môn: 02 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học;

Tổng số phòng chức năng: 05 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

Có 02 phòng nội trú, 01 bếp ăn.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 13 máy (Lắp cố định tại các phòng học 10 máy, phòng học bộ môn 02 máy; 01 máy di động).

+ Máy chiếu vật thể: 6 máy

+ Tủ âm loa, đài: 2 bộ

+ 06 màn hình tương tác thông minh lắp đặt tại 06 lớp học (Trung tâm).

- Nhà bếp, Nhà ăn: 02 phòng. (Nhà bếp, nhà ăn diện tích hẹp, không có quỹ đất mở rộng thêm).

- Trung tâm và hai điểm trường lẻ đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Hạn chế về CSVC: Do trường được xây dựng đã lâu nên nhiều hạng mục xuống cấp (điểm trường Pa Sáng, Nậm Ty) phần nào ảnh hưởng tới công tác giáo dục. Diện tích một số lớp học nhỏ hẹp nên hoạt động học tập của học sinh cũng bị hạn chế. Phòng ở, phòng ăn cho học sinh bán trú chật hẹp ảnh hưởng đến việc ăn nghỉ của học sinh.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Thực hiện hiệu quả mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, đảm bảo về thời lượng dạy học các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục, phù hợp tâm lý và sức khỏe học sinh.

Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ bao gồm giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục thể chất, nghệ thuật, phát triển năng lực ngoại ngữ, năng lực số, năng lực trí tuệ nhân tạo (AI), năng lực thẩm mỹ,... cho học sinh; hình thành ý thức, thói quen học tập suốt đời.

Đảm bảo quyền lợi, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương.

Nâng cao chất lượng giờ học chính khóa; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí

không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT. Năm học 2025-2026 tiếp tục sử dụng Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

Triển khai dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi thực hiện chương trình lớp 1 theo đúng quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết).

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường kỹ năng đọc hiểu văn bản (Lồng ghép ứng dụng “*Vui đọc cùng em*” trong các tiết: Đọc mở rộng, Đọc Thư viện, tăng cường tiếng Việt...)

Tổ chức dạy học môn tiếng Anh và Tin học theo công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục kỹ năng số trong thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học và thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng số cho học sinh.

Sử dụng Tài liệu Giáo dục địa phương các lớp 1,2,3,4,5 - CTGDPT 2018; nội dung Giáo dục địa phương được tích hợp trong các môn học và môn Hoạt động trải nghiệm. Đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung Giáo dục địa phương theo từng khối lớp.

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gần gũi với học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học bao gồm UDCNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, trong kiểm tra đánh giá học sinh. Chỉ đạo 100% cán bộ quản lý và giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng “Hành trang số”, phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên trên hệ thống LMS.

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật. Tiếp nhận tất cả HS khuyết tật, hòa nhập theo nguyện vọng của phụ huynh và học sinh.

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn tổ, trường, cụm trường theo quy định tại công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT Về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp học Tiểu học.

Tổ chức xây dựng kế hoạch: nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy...).

2. Mục tiêu chung

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc; tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, thể chất và tinh thần.

- Triển khai hiệu quả CTGDPT 2018 cấp tiểu học; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; tích hợp các nội dung giáo dục phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi như: kỹ năng sống, lý tưởng cách mạng, đạo đức, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục công dân số.

- Tăng cường giáo dục giá trị sống, đạo đức, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề; hình thành thói quen học tập tích cực, sinh hoạt khoa học và ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng.

- Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng văn hóa học đường tích cực.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số trong dạy học và quản lý; từng bước hình thành năng lực số và tư duy công nghệ cho học sinh.

- Cập nhật nội dung môn Lịch sử và Địa lý phù hợp với thực tế địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Tổ chức rà soát, điều chỉnh tên gọi địa phương, bản đồ hành chính, các sự kiện lịch sử và thông tin địa lý liên quan nhằm bảo đảm nội dung dạy học chính xác, thiết thực, góp phần giáo dục học sinh hiểu biết và tự hào về quê hương trong bối cảnh mới.

- Tăng cường giáo dục lịch sử địa phương, truyền thống cách mạng của quê hương, nhất là giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến thắng Điện Biên Phủ nhằm bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc cho học sinh.

3. Chỉ tiêu cụ thể

3.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 426/426 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

3.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		61		83		92		90		100		426	
HS Khuyết tật		0		1		4		0		0		5 (4 nữ)	
Môn học	Xếp loại	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. T. Việt	HTT	35	57,4	47	56,6	48	52,2	49	54,4	54	54,0	233	54,7
	HT	26	42,6	36	43,4	44	47,8	41	45,6	46	46,0	193	45,3
	CHT	0										0	0
2. Toán	HTT	38	62,3	49	59	49	53,3	45	50,0	51	51,0	232	54,5
	HT	23	37,7	34	41	43	46,7	45	50,0	49	49,0	194	45,5
	CHT	0										0	0
3. Ngoại ngữ 1 (144)	HTT	35	57,4	47	56,6							82	56,9
	HT	26	42,6	36	43,4							62	43,1
	CHT	0										0	0
4. Đạo đức	HTT	39	63,9	6	67,5	60	65,2	62	68,9	59	59,0	276	64,8
	HT	22	36,1	7	32,5	32	34,8	28	31,1	41	41,0	150	35,2
	CHT	0										0	0
5. TN&XH (236)	HTT	37	60,7	52	62,7	52	56,5					141	59,7
	HT	24	39,3	31	37,3	40	43,5					95	40,3
	CHT	0										0	0
6. Khoa học (190)	HTT							54	60,0	54	54,0	108	56,8
	HT							36	40,0	46	46,0	82	43,2
	CHT							0				0	0
7. LS&ĐL (190)	HTT							50	55,6	51	51,0	101	53,2
	HT							40	44,4	49	49,0	89	46,8
8. Âm nhạc	CHT												
	HTT	35	57,4	51	61,4	54	58,7	57	63,3	57	57,0	254	59,6
	HT	26	42,6	32	38,5	38	41,3	330	36,7	43	43,0	172	40,4
	CHT	0										0	0
9. Mỹ thuật	HTT	39	63,9	50	60,2	57	62	53	58,9	55	55,0	254	59,6
	HT	22	36,1	33	39,8	35	38	37	41,1	45	45,0	172	40,4
	CHT	0										0	0
10. GDTC	HTT	39	63,9	52	62,7	56	60,9	55	61,1	54	54,0	256	60,1
	HT	22	36,1	31	37,3	36	39,1	35	38,9	46	46,0	170	39,9
	CHT	0										0	0
11. Ngoại ngữ (282)	HTT					48	52,2	46	51,1	51	51,0	145	51,4
	HT					44	47,8	44	48,9	49	49,0	137	48,6
	CHT					0						0	0
12. Tin học	HTT					50	54,3	51	56,7	53	53,0	154	54,6

(282)	HT					42	45,7	39	43,3	47	47,0	128	45,4
	CHT					0						0	0
13. C. nghệ (282)	HTT					52	56,5	59	665,5	58	58,0	169	59,9
	HT					40	43,5	31	34,4	42	42,0	113	40,1
	CHT					0						0	0
14. HĐTN	HTT	39	63,9	56	67,5	61	66,3	60	66,7	59	59,0	275	64,6
	HT	22	36,1	27	32,5	31	33,7	30	33,3	41	41,0	151	35,4
	CHT	0										0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu

Khối	Mức đạt được	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (61)	Tốt	61	100	61	100	39	63,9	61	100	46	75,4
	Đạt	0	0	0	0	22	36,1	0	0	15	24,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 2 (83)	Tốt	83	100	83	100	49	59	83	100	57	68,7
	Đạt	0	0	0	0	34	41	0	0	26	31,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 3 (92)	Tốt	92	100	92	100	50	54,3	92	100	66	71,7
	Đạt	0	0	0	0	42	45,7	0	0	26	28,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 4 (90)	Tốt	90	100	90	100	54	60,0	68	75,5	64	73,5
	Đạt	0	0	0	0	36	40,0	22	25,5	26	26,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 5 (100)	Tốt	100	100	100	100	63	63,0	100	100	64	64,0
	Đạt	0	0	0	0	37	37,0	0	0	36	36,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

c) Về năng lực cốt lõi

Khối	Mức đạt được	Tự học và tự chủ		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (61)	Tốt	40	65,6	39	63,9	36	59
	Đạt	21	34,4	22	36,1	25	41
	CCG	0	0	0	0	0	0
Khối 2 (83)	Tốt	47	56,6	53	63,9	47	56,6
	Đạt	36	43,4	30	36,1	36	43,4
	CCG	0	0	0	0	0	0
Khối 3 (92)	Tốt	47	51,1	58	63	49	53,3
	Đạt	45	48,9	34	37	43	46,7
	CCG	0	0	0	0	0	0
Khối 4 (90)	Tốt	52	57,8	49	54,4	46	51,1
	Đạt	38	42,2	41	45,6	44	48,9
	CCG	0	0	0	0	0	0
Khối 5 (100)	Tốt	60	60,0	57	57,0	51	51,0
	Đạt	40	40,0	43	43,0	49	49,0
	CCG	0	0	0	0	0	0

**** Năng lực đặc thù khối 1,2,3,4,5***

Khối	Mức đạt được	Mức đạt được													
		Ngôn ngữ		Tính toán		Khoa học		Tin học		Công nghệ		Thẩm mỹ		Thể chất	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (61)	Tốt	37	60,7	39	63,9	37	60,7					39	63,9	39	63,9
	Đạt	24	39,3	22	36,1	24	39,3					22	36,1	22	36,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 2 (83)	Tốt	47	56,6	49	59	52	62,7					50	60,2	52	62,7
	Đạt	36	43,4	34	41	31	37,3					33	39,8	31	37,3
	CCG	0	0	0	0	0	0					0	0	0	0
Khối 3 (92)	Tốt	48	52,2	49	53,3	52	56,5	50	54,3	52	56,5	57	62	56	60,9
	Đạt	44	47,8	43	46,7	40	43,5	42	45,7	40	43,5	35	38	36	39,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 4 (90)	Tốt	50	55,6	45	50,0	54	60,0	51	56,7	59	65,6	53	58,9	55	62,2
	Đạt	40	44,4	45	50,0	36	40,0	39	43,3	31	34,4	37	41,1	35	38,9
	CCG	0	0	0	0	0	0					0	0	0	0
Khối 5 (100)	Tốt	19	57,6	18	54,5	18	54,5	19	57,6	20	60,6	19	57,6	18	54,5
	Đạt	14	42,4	15	45,5	15	45,5	14	42,4	13	39,4	14	42,4	15	45,5
	CCG	0	0	0	0	0	0					0	0	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	Tổng số học sinh	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	61	15	24,6	20	32,9	26	42,5	0	0	
2	83	19	22,9	24	28,9	40	48,2	0	0	
3	92	23	25	25	27,2	44	47,8	0	0	
4	90	20	22,2	27	30,0	43	47,8	0	0	
5	100	25	25,0	26	26,0	49	49,0	0	0	
Tổng	426	102	23,9	122	28,6	202	47,4	0	0	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 326/326, tỷ lệ 100% (gồm 05 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 100/100, tỷ lệ 100%.

e) Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia đầy đủ và tích cực các cuộc thi, hội thi, hoạt động giao lưu học thuật, văn hóa, thể thao, trải nghiệm sáng tạo theo kế hoạch của nhà trường và các cấp ngành phát động.

- 100% học sinh thực hiện nghiêm túc nền nếp học đường: thể dục giữa giờ, vệ sinh cá nhân và môi trường, hát Quốc ca - Đội ca đầu tuần, sinh hoạt tập thể và mặc đồng phục đúng quy định, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.

- 100% các lớp được trang trí lớp học theo hướng mở, thân thiện, phù hợp

với chủ điểm từng tháng và phong trào thi đua do nhà trường phát động.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia các câu lạc bộ sở thích, các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trẻ, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân.

- 100% cán bộ, giáo viên, học sinh tích cực hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện, quyên góp ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, dịch bệnh theo khả năng và tinh thần tự nguyện.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo theo hướng giáo dục toàn diện, gắn với thực tiễn như: thăm hỏi gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa phương (tối thiểu 2 lần/năm học).

- Lồng ghép hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống, chuyển đổi số, công nghệ AI, giáo dục đạo đức - lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý học đường... thông qua các tiết học chính khóa, hoạt động giáo dục, hoạt động ngoài giờ và sinh hoạt dưới cờ.

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		HS tiêu biểu HTT	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	61	27	44,3	15	24,6	12	19,7
2	83	42	50,6	19	22,9	24	28,9
3	92	48	52,2	23	25,0	25	27,2
4	90	41	45,6	20	22,5	21	23,3
5	100	48	48,0	25	25,0	23	23,0
Tổng	426	206	43,4	102	23,9	105	24,6

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

STT	Môn học và HĐGD	Số tiết L1		Số tiết L2		Số tiết L3		Số tiết L4		Số tiết L5	
		HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	Tiếng Việt	216	204	180	170	126	119	126	119	144	136
2	Toán	54	51	90	85	90	85	90	85	90	85
3	Tiếng Anh					72	68	72	68	72	68
3	Đạo đức	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
4	TN&XH	36	34	36	34	36	34				
5	Khoa học							36	34	36	34
6	LS&ĐL							36	34	36	34
8	Tin học					18	17	18	17	18	17

9	Công nghệ					18	17	18	17	18	17
10	GDTC	36	34	36	34	36	34	36	34	36	34
11	NT Âm nhạc	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
12	NT Mỹ thuật	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
13	HĐTN	54	51	54	51	54	51	54	51	54	51
14	TCTV	18	17	18	17	18	17				
15	ĐSTV	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
16	GDĐP	12	10	12	10	12	10	12	10	12	10
Tổng số tiết bắt buộc/1 học kì.		498	469	498	469	552	520	570	537	570	537
TỔNG CỘNG		967		967		1072		1107		1107	
<i>Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)</i>		28		28		31		32		32	
<i>Số tiết tự chọn/tuần</i>		2		2		0		0		0	
<i>Số tiết củng cố, tăng cường</i>		2		2		1		0		0	
<i>Số tiết/tuần</i>		32		32		32		32		32	
<i>Số buổi dạy/tuần</i>		9		9		9		9		9	
<i>Tổng số tiết/năm học</i>		1.120		1.120		1.120		1.120		1.120	

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thông nhà trường	- Khai giảng năm học mới; Giới thiệu về truyền thông nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ Năm, ngày 05/09	BGH; TPTĐ	GVCN, GVBM, Ban ĐDCMHS.
	Xây dựng văn hoá học đường	- Phát động phong trào thi đua “Trường học hạnh phúc” - Triển khai nội quy, quy tắc ứng xử, an toàn trường học.	Theo lớp, theo khối	Trong tuần 2, 3 của tháng 9	GVCN, TPTĐ	BGH, GVBM
Tháng 10	Gắn kết yêu thương	Tổ chức Tết Trung Thu	Tập trung toàn trường; Hoạt động theo	Chiều Ba ngày 06/10- Rằm tháng 10 (15/8)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường

			khối lớp	Âm lịch)		
		Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Tư ngày 13/10 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
		Giao lưu văn nghệ, vẽ tranh, làm thiệp chúc mừng ngày 20/10.	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Sáng thứ Hai ngày 20/10	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Tô sư trọng đạo	- Kỉ niệm ngày 20/11; - Hội diễn văn nghệ; - Tri ân thầy cô.	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 20/11	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	HĐTN Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 22/12 (60 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1	Mùa xuân yêu thương	- Hoạt động STEM	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 12/01	Giáo viên toàn trường	BGH, Ban ĐDCMHS
		Tổ chức các HĐTN tại lớp: Vui đọc cùng em,...	Tại lớp học	Chiều thứ Ba ngày 13/01	Giáo viên chủ nhiệm.	BGH, GVBM
		- Tổ chức Chợ xuân - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 22/01 (04/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các nhà hảo tâm...
		- Thăm hỏi các gia đình chính sách; - Chăm sóc nhà bia tưởng niệm các anh hùng LS tại xã.	Tập trung một số học sinh đại diện các lớp	Thứ Sáu ngày 23/01	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	Đoàn TNCSHCM xã Ban ĐDCMHS

Tháng 2	An toàn - Kỷ cương	- Sinh hoạt về phòng tránh tai nạn thương tích; - Trò chơi dân gian chào xuân; - Phát động “Tháng an toàn giao thông”.	Theo lớp, theo khối	Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán	TPTĐ, GVCN	Công an xã, Trạm Y tế xã.
Tháng 3	Em yêu mái trường	- Làm thiệp chúc mừng 8/3 - Thiết kế poster/clip tuyên truyền về vệ sinh trường lớp - Giờ ra chơi trải nghiệm	Tập trung toàn trường; theo lớp, theo nhóm	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 06/3 (60 phút)	TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	Tự hào lịch sử dân tộc	- Thi tìm hiểu lịch sử, truyền thống địa phương; - Thi kể chuyện lịch sử; - Hoạt động “Em làm hướng dẫn viên nhí”.	Theo khối, lớp	Sáng thứ Hai ngày 27/4 (60 phút)	PHT, TPTĐ, GVCN	GVBM
Tháng 5	Bác Hồ với thiếu nhi	Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ: Thắp hương tại Đền thờ liệt sỹ A1; Viếng Nghĩa trang Liệt sỹ A1...	Tập trung	Thứ Năm ngày 07/5	CBGVNV, HS khối lớp 3, 4, 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.
		Nghe kể chuyện về Bác Hồ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 18/5 (60 phút)	TPTĐ	CBGVNV toàn trường
		- Ngày hội STEM - Trưng bày sản phẩm STEM; - Tổng kết năm học.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ Sáu ngày 22/5	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS, đại diện chính quyền xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ sở thích, năng khiếu.	- Sinh hoạt câu lạc bộ (Mỹ thuật, Âm nhạc, Bóng đá, Dân vũ, Pickleball, Bóng bàn, Cầu lông, STEM,...) - Câu lạc bộ theo khối/lớp hoặc tự nguyện đăng ký	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1lần/ tháng (Từ 15 giờ 30 phút đến 17 giờ).	Sân trường, lớp học.	Có kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên phụ trách.
2	Vui chơi, thể chất, thư giãn	- Trò chơi dân gian - Hát múa, thể dục sân trường	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Các ngày trong tuần (Từ 16h20-17h00)	Sân trường	GVCN phối hợp GV bộ môn hỗ trợ theo dõi
3	Hoạt động trải nghiệm, Kỹ năng sống	- GDKNS: kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp - Vẽ tranh, đọc sách, nghe kể chuyện.	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa (11h00-13h00)	Lớp, thư viện, nhà ăn	Tổ chức nhẹ nhàng, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế
4	Giáo dục nền nếp, hành vi văn hóa	- Nhắc nhở nền nếp, vệ sinh, giao tiếp - Trình chiếu tranh ảnh, video tuyên truyền	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng hoặc lồng ghép trong sinh hoạt lớp	Lớp học, sân trường	GVCN chủ trì, kết hợp với TPTĐ và GVBM hỗ trợ

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 5 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 00 phút	30 phút	Ăn trưa + HĐTN/ HĐGD (HS bán trú)

11 giờ 30 phút - 13 giờ 15 phút		Ngủ trưa tại phòng
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 35 phút - 16 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 17 giờ	40 phút	- Tổ chức các hoạt động giáo dục văn hoá, nghệ thuật, thể chất, kỹ năng sống, STEM/STEAM... phù hợp với nhu cầu, sở thích và năng khiếu. - Tổ chức linh hoạt: tự học có hướng dẫn, học nhóm, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ...
17 giờ đến 18 giờ	60 phút	- Vệ sinh cá nhân, giặt đồ (HS nội trú)
18 giờ đến 18 giờ 30 phút	30 phút	- Ăn tối
19 giờ đến 21 giờ 00 phút	120 phút	- Xem ti vi và lên lớp ôn bài
21 giờ		- Vệ sinh cá nhân, đi ngủ.

Ghi chú: Thời gian 01 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

*** Đối với các điểm trường lẻ:**

- Kế hoạch giáo dục tại các điểm trường lẻ được triển khai thống nhất theo kế hoạch chung của trường trung tâm.
- Các hoạt động câu lạc bộ được tổ chức tại từng điểm trường, đồng thời có thể bố trí luân phiên giữa các điểm trường sao cho phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên, nhà trường triển khai khung thời gian như sau:

- Ngày tựu trường:

+ Lớp 1: Từ thứ Sáu, ngày 22/8/2025

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10	1	7		7		7		
2	Toán	3	1	5	1	5	1	5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	Lịch sử và Địa lí							2		2		
8	Nghệ thuật											
	- Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	- Mỹ thuật	1		1		1		1		1		
9	GDTC	2		2		2		2		2		
10	HĐTN	3		3		3		3		3		
11	Tiếng Anh		2		2	4		4		4		
12	Tin học &CN											
	- Tin học					1		1		1		
	- Công nghệ					1		1		1		
13	Đọc sách tại thư viện		1		1		1		1		1	
14	Giáo dục địa phương		1		1		1		1		1	
15	Tăng cường Tiếng việt		1		1		1		0	0	0	
Tổng		25	7	25	7	28	4	30	2	30	2	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		

** Ghi chú: Các tiết tăng thêm được tổ chức dưới dạng câu lạc bộ, ôn tập củng cố, hoạt động trải nghiệm, ...*

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể cho từng khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo từng ngày, từng tuần, từng lớp, đảm bảo thực hiện đầy đủ CTGDPT 2018. Mỗi lớp có thời khóa biểu chi tiết, mỗi khối có kế hoạch dạy học tuần của từng môn học và hoạt động giáo dục, linh hoạt điều chỉnh phù hợp với thực tiễn triển khai và năng lực tiếp thu của học sinh.

- Đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc nghỉ học do lý do bất khả kháng, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy bù cụ thể, thông báo trước ít nhất 01 tuần nếu có thể dự báo hoặc thông báo kịp thời sau thời điểm nghỉ.

- Khi tổ chức các hoạt động tập thể quy mô lớn như khai giảng, hội thi, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, nhà trường chủ động xây dựng phương án điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- Các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực học sinh, tôn trọng sự khác biệt, đáp ứng nhu cầu và hứng thú học tập của người học, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường và đặc điểm vùng miền.

- Nhà trường tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch dạy học; đẩy mạnh sử dụng học liệu số, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và công cụ đánh giá nhằm phát triển năng lực học sinh.

- Khuyến khích giáo viên chủ động, linh hoạt tích hợp các nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, quốc phòng - an ninh, quyền trẻ em, giáo dục STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số vào môn học và hoạt động giáo dục một cách phù hợp, hiệu quả.

- Vào chiều thứ Sáu hằng tuần, học sinh được nghỉ học để cân bằng giữa học tập và nghỉ ngơi, vui chơi. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các hoạt động hội họp, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, nghiên cứu bài học, xây dựng học liệu số và các nhiệm vụ khác theo kế hoạch của nhà trường.

V. Giải pháp thực hiện

1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

Triển khai đầy đủ các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, của ngành đến tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Phối hợp chính quyền và các đoàn thể tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp.

Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

Tổ chức tốt các đợt thi đua và có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm các phong trào thi đua, động viên, tuyên dương, khen thưởng kịp thời.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cốt cán có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Phân công giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 hỗ trợ, kèm cặp giáo viên có năng lực còn hạn chế, nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy, bảo đảm đúng định hướng chương trình mới.

- Cử giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục; học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học theo lộ trình tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu triển khai CTGDPT 2018. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thực tế của giáo viên để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, linh hoạt (tự học, học tập trực tuyến, qua sinh hoạt chuyên môn, ...).

- Tăng cường tổ chức giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhà trường trong và ngoài huyện, đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn liên trường, cụm trường. Đặc biệt chú trọng tổ chức các chuyên đề tích hợp, liên môn, giáo dục kỹ năng sống, đạo đức - lối sống, lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

- Tổ chức các tiết dạy minh họa, chuyên đề chuyên sâu theo nhu cầu thực tế. Sinh hoạt chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT. Nội dung sinh hoạt tập trung nghiên cứu sâu CTGDPT 2018, đổi mới nội dung - hình thức, chú trọng dự giờ, nghiên cứu bài học, khai thác công nghệ số, công nghệ AI hỗ trợ dạy học nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học phù hợp với CTGDPT 2018, đảm bảo tính kế thừa, linh hoạt và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần, hàng tháng nhằm đồng hành, hỗ trợ thường xuyên cho giáo viên trong quá trình thực hiện CTGDPT 2018; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (NCBH) tại tất cả các tổ chuyên môn.

- Xây dựng nội dung chuyên đề đa dạng, thiết thực, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

- Tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường và cấp huyện theo hình thức kết hợp giữa NCBH và chuyên đề; tổ chức hội thảo, tọa đàm nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng dạy.

- Soạn thảo đầy đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu đổi mới của CTGDPT 2018.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp nội dung chuyển đổi số, khai thác hiệu quả thiết bị số trong sinh hoạt chuyên môn như sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, AI hỗ trợ thiết kế bài dạy, phân tích dữ liệu học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực đội ngũ.

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu các nội dung mới, nội dung khó, các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình triển khai CTGDPT 2018, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ thực hiện CTGDPT 2018, ưu tiên cho phòng Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học & Công nghệ và các phòng chức năng.

- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên và sử dụng hiệu quả thiết bị, phòng học hiện có; tiếp tục khai thác 6 tivi thông minh đã được trang bị tại các lớp học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa, huy động nguồn lực hỗ trợ tăng cường thiết bị dạy học, sách, tài liệu cho thư viện.

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, kết hợp dạy học văn hóa với hoạt động trải nghiệm, giáo dục thể chất, kỹ năng sống, đạo đức, lý tưởng cách mạng, an toàn giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục, tạo sự đồng thuận và lan tỏa trong cộng đồng về các chủ trương đổi mới giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và truyền thông địa phương để kịp thời cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận, tạo dựng niềm tin xã hội đối với sự nghiệp giáo dục.

- Chủ động tuyên truyền, tư vấn, đối thoại và chia sẻ với phụ huynh học sinh về nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới, các phương pháp dạy học tích cực, đánh giá năng lực học sinh; đồng thời tiếp nhận và xử lý kịp thời những phản hồi để tạo dựng mối quan hệ gắn kết, cùng đồng hành trong giáo dục trẻ.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình và xã hội trong việc bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và lành mạnh.

- Phối hợp triển khai giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt đội, lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục; tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa, thể thao, văn nghệ, góp phần hình thành nhân cách, bồi dưỡng tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục; khuyến khích phụ huynh và cộng đồng phối hợp cùng nhà trường tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng các công cụ học tập hiện đại, nền tảng số phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục.

- Tăng cường phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tư vấn tâm lý học đường cho học sinh và phụ huynh nhằm kịp thời hỗ trợ, định hướng giải quyết các khó khăn về tâm lý, học tập, mối quan hệ xã hội của học sinh.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên tích cực viết và chia sẻ các tin bài về hoạt động chuyên môn, điển hình tiên tiến, sáng kiến kinh nghiệm, đổi mới sáng tạo trong giảng dạy lên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống nhằm lan tỏa những giá trị tích cực và tạo hiệu ứng truyền cảm hứng trong cộng đồng giáo dục.

6. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.

- Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục: đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, quốc phòng - an ninh, pháp luật, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình, HIV/AIDS; giáo dục sức khỏe, y tế học đường, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường giáo dục về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước, giáo dục an toàn giao thông.

- Chú trọng giáo dục chuyển đổi số, công nghệ số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức độ phù hợp, giúp học sinh hình thành năng lực công dân số, biết sử dụng công nghệ một cách an toàn, có trách nhiệm.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống: tham quan di tích lịch sử, viếng nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc gia đình chính sách, tuyên truyền chủ quyền biên giới - biển đảo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát động các phong trào: “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng bà”, “Thắp sáng ước mơ”, các hoạt động về nguồn, kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, trò chơi dân gian, hát dân ca, trải nghiệm làm nghề truyền thống, trải nghiệm STEM... Giao Tổng phụ trách Đội phối hợp với các tổ chuyên môn phân công, hướng dẫn cụ thể cho từng khối lớp triển khai phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

- Kết hợp với chuyên viên tư vấn học đường, giáo viên chủ nhiệm và gia đình trong việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý, tháo gỡ khó khăn, định hướng cảm xúc và hành vi tích cực cho học sinh.

7. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo tối thiểu 32 tiết/tuần theo quy định. Bố trí đủ tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp nhằm giảm áp lực, nâng cao chất lượng dạy học. Trong các buổi học, nhà trường tích hợp linh hoạt các nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng, tư vấn tâm lý học đường, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ sở thích phù hợp từng độ tuổi, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất toàn diện.

- Việc tổ chức ăn, nghỉ cho học sinh bán trú được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế, chế độ của học sinh. Thực đơn được xây dựng theo hướng cân bằng dinh dưỡng, phù hợp với độ tuổi học sinh. Nhà trường bố trí nơi ăn nghỉ đảm bảo an toàn, vệ sinh và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập cả ngày.

- Việc chi phục vụ cho học sinh bán trú thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo công khai, minh bạch; hàng ngày thông báo cụ thể định lượng và danh mục hàng hóa phục vụ bữa ăn. Thực hiện nghiêm túc quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu mẫu thức ăn theo quy định, tuyệt đối không sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc hoặc kém chất lượng.

8. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời điều chỉnh linh hoạt về nội dung, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu cụ thể của từng học sinh khuyết tật, căn cứ vào sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN).

- Giáo viên dạy hòa nhập phối hợp với tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng, thực hiện và đánh giá KHGDCN cho học sinh khuyết tật; theo dõi sự tiến bộ, hỗ trợ kịp thời để giúp các em phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung, hoạt động giáo dục mà học sinh không thể đáp ứng được như: Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc, Tin học,... theo đúng hướng dẫn chuyên môn.

- Giáo viên dạy hòa nhập cần có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương và tôn trọng quyền của người khuyết tật, chủ động học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn về giáo dục học sinh khuyết tật.

- Học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp giảng dạy các lớp có học sinh khuyết tật được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa

đạt chuẩn kiến thức kĩ năng

- Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên cần chủ động xây dựng kế hoạch cá nhân hóa việc giảng dạy, chú trọng phát triển năng lực cho học sinh có tố chất nổi bật và tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng. Mỗi tiết học cần có chiến lược linh hoạt trong việc giao nhiệm vụ học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các lớp, câu lạc bộ phát triển năng khiếu cá nhân như: múa, hát, vẽ, thể thao, bơi, đọc sách... tùy theo điều kiện thực tế tại trường trung tâm và các điểm trường lẻ. Đồng thời tạo điều kiện để các em có cơ hội thể hiện bản thân trong các hoạt động văn hóa - thể thao cấp trường, cấp xã và cấp tỉnh.

- Tăng cường tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn ngay trong các tiết học chính khóa thông qua dạy học phân hóa, cá thể hóa; đồng thời tổ chức phụ đạo ngoài giờ (trong tiết học tăng cường hoặc hoạt động ngoài giờ chính khóa) đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ hỏng kiến thức. Việc phụ đạo cần đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh.

- Chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc kèm cặp, động viên con em học tập tại nhà, đặc biệt ở các bản vùng sâu vùng xa, nơi học sinh còn nhiều hạn chế về điều kiện học tập và môi trường giao tiếp.

- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng học kỳ; tổ chuyên môn có trách nhiệm phân tích chất lượng đầu năm, giữa kỳ và cuối kỳ để phân loại, phân công giáo viên phụ trách từng nhóm đối tượng học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi sát tình hình học tập của học sinh trong lớp, báo cáo định kỳ kết quả bồi dưỡng và phụ đạo với BGH để có sự chỉ đạo kịp thời.

- Hoạt động bồi dưỡng năng khiếu và phụ đạo học sinh cần gắn với định hướng đổi mới giáo dục theo CTGDPT 2018: phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, chuyển đổi số, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm sáng tạo.

10. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện thông qua các môn học và hoạt động giáo dục, kết hợp lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, lý tưởng đạo đức cách mạng, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tư vấn tâm lý học đường phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

- Đặc biệt, trong hai tuần đầu năm học, nhà trường chú trọng hướng dẫn học sinh lớp 1 làm quen với nề nếp học tập, sử dụng ký hiệu dạy học, rèn kỹ năng sử dụng bút, thước, bảng con, sách vở, tư thế ngồi viết đúng và kỹ năng giao tiếp cơ bản. Đồng thời, đẩy mạnh rèn luyện kỹ năng nghe, nói (phát âm chuẩn), đọc, viết chính tả cho học sinh khối lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển năng lực môn Tiếng Việt, đặc biệt là dạy học tập làm văn, mở rộng vốn từ, xây dựng hệ thống từ vựng (cây từ vựng), phát triển kỹ năng đọc hiểu gắn với các tình huống thực tiễn và tăng cường kỹ năng giao tiếp ứng xử. Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong học tập tiếng Việt phù hợp với trình độ học sinh.

- Linh hoạt áp dụng các phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng Đọc - Viết - Nghe - Nói cho học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời tích hợp nội dung chuyển đổi số và công nghệ AI vào hoạt động dạy học một cách phù hợp theo định hướng của CTGDPT 2018.

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động giao lưu tiếng Việt như: Ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, diễn đạt cảm xúc, thi hùng biện; đồng thời duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình thư viện như thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhằm tăng cường môi trường sử dụng tiếng Việt cho học sinh.

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm trang bị cho các em nền tảng ngôn ngữ vững chắc trước khi bước vào lớp học đầu cấp. Giáo viên trực tiếp giảng dạy chương trình này, cũng như học sinh dân tộc thiểu số tham gia lớp học tiếng Việt trước khi vào lớp Một, được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tỉnh. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ này chỉ áp dụng trong giai đoạn học tiếng Việt trước khi vào lớp Một, không áp dụng trong thời gian các em học chính thức ở lớp Một.

11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục giai đoạn 2025-2030, bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT.

- Đầu tư, rà soát và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học số: kết nối cáp quang Internet ổn định đến các điểm trường/lớp học.

- Tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho giáo viên: tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng thiết bị, phần mềm giảng dạy và quản lý như VNedu, OLM, LMS, EQMS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm cân bằng dinh dưỡng, phần mềm học trực tuyến,...

- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng hiệu quả các nền tảng số như “Trường học kết nối”, “Hành trang số”, hệ thống học liệu điện tử dùng chung và hệ thống LMS để thiết kế bài giảng, trao đổi chuyên môn, lưu trữ và chia sẻ học liệu.

- Khuyến khích giáo viên tích hợp CNTT vào dạy học các môn học, thiết kế bài giảng E-learning, AI để dạy học trải nghiệm, tạo video bài giảng, số hóa tiết dạy, sự kiện nhà trường, hoạt động trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ, hoạt

động Đội - Sao Nhi đồng.

- Duy trì phương án dạy học trực tuyến linh hoạt đối với các tình huống thiên tai, dịch bệnh, học sinh không thể học trực tiếp; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, tài khoản học tập trực tuyến và hệ thống bài giảng dự phòng.

- Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ, văn bản chuyên môn trên hệ thống phần mềm quản lý trường học (VNedu, eDoc...), thực hiện ký số văn bản, quản lý dữ liệu đồng bộ trên môi trường số theo chỉ đạo từ Bộ, Sở.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng công dân số vào dạy học môn Tin học và các hoạt động giáo dục phù hợp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: giúp học sinh tiểu học biết sử dụng Internet an toàn, tôn trọng bản quyền, có kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, biết ứng xử có văn hóa trên môi trường mạng.

- Giáo viên chủ động lồng ghép giáo dục công dân số vào các môn học, hoạt động giáo dục, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, trải nghiệm sáng tạo... theo cách phù hợp với độ tuổi và nhận thức của học sinh tiểu học.

c) Triển khai học bạ điện tử (học bạ số)

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương triển khai Học bạ số theo Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- 100% giáo viên được tập huấn, hướng dẫn sử dụng học bạ số, thực hiện nhập liệu đúng, đủ, cập nhật thông tin đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh đảm bảo đúng quy trình.

- BGH nhà trường, tổ chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện học bạ số, đảm bảo tính chính xác, bảo mật và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ cho đánh giá học sinh và chỉ đạo chuyên môn.

12. Triển khai áp dụng hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong dạy học

- Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM/STEAM trong việc phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên về tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục STEM/STEAM theo định hướng của Chương trình GDPT 2018. Khuyến khích giáo viên tự học, tham khảo tài liệu chuyên sâu và học liệu từ các kênh chính thống như website: <http://stemtieuhoc.edu.vn>.

- Tăng cường tích hợp các hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào các môn học (đặc biệt là Khoa học, Tin học, Toán) và hoạt động trải nghiệm nhằm phát huy tính liên môn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức giáo dục STEM, bao gồm: bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, dự án nghiên cứu khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị hiện có của nhà trường. Ưu tiên tổ chức các hoạt động đơn giản, dễ thực hiện, tận dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng các bài học STEM theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, chú trọng rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề. Trong mỗi bài học, cần có phần mở rộng để học sinh được thực hành, sáng tạo, và kết nối với thực tiễn cuộc sống.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng để huy động nguồn lực tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với bối cảnh vùng miền, tạo cơ hội cho học sinh được tham gia, trải nghiệm thực tế.

- Phân công trách nhiệm thực hiện rõ ràng:

+ Ban giám hiệu: chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện giáo dục STEM trong toàn trường;

+ Tổ chuyên môn: triển khai chuyên đề, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn định kỳ để chia sẻ kinh nghiệm xây dựng, thực hiện các bài học/hoạt động STEM;

+ Giáo viên: chủ động nghiên cứu, thiết kế bài học, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với đặc điểm học sinh, môn học và điều kiện nhà trường.

- Mục tiêu cuối cùng là triển khai hiệu quả hoạt động giáo dục STEM/STEAM, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực học sinh, thực hiện thành công CTGDPT 2018 cấp tiểu học.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã (thông qua Phòng Văn hoá - Xã hội) và Sở Giáo dục và Đào tạo về chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch dạy học các môn tự chọn và các hoạt động giáo dục phù hợp thực tiễn nhà trường và định hướng phát triển giáo dục địa phương.

- Chủ động tham mưu với UBND xã và phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội trong công tác quản lý, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để nắm bắt chỉ đạo chuyên môn, đảm bảo thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông theo đúng hướng dẫn.

- Phát huy vai trò dân chủ trong quản lý, điều hành; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Tổ chức các hội thi, hội giảng, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt chuyên môn... đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện của trường.

- Ban hành các quyết định liên quan đến tổ chức bộ máy như: thành lập

các tổ chuyên môn, phân công nhiệm vụ, bổ nhiệm tổ trưởng/tổ phó chuyên môn; thành lập các hội đồng: hội đồng thi đua - khen thưởng, hội đồng kiểm tra định kỳ, hội đồng nghiệm thu - bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm và giáo viên giảng dạy các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo đúng chuyên môn, phát huy năng lực đội ngũ.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo và điều hành hoạt động của các tổ chuyên môn: Hướng dẫn xây dựng và phê duyệt kế hoạch sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Phụ trách công tác thư viện, thiết bị dạy học: Chỉ đạo sử dụng hiệu quả thiết bị, học liệu dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong quản lý và giảng dạy.

- Chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, nâng cao năng lực thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Xây dựng và chỉ đạo triển khai các kế hoạch giáo dục, bao gồm: hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu; kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng; kế hoạch tổ chức các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi cấp trường...

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Phối hợp với tổ chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi chất lượng học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức.

- Tham mưu với Hiệu trưởng trong công tác quy hoạch, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện phục vụ dạy học, giáo dục toàn diện học sinh.

- Tổng hợp, báo cáo và lưu trữ hồ sơ chuyên môn theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

3.1. Tổ chuyên môn

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về toàn bộ hoạt động chuyên môn của tổ. Cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ; hướng dẫn các giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân đảm bảo phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường và phân phối chương trình.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo đúng quy

định, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo hướng *ngiên cứu bài học*, ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ viên.

- Triển khai, phổ biến và giám sát việc thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của nhà trường, của ngành giáo dục đến từng giáo viên.

- Đề xuất nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Phối hợp thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ chuyên môn theo phân công của Ban giám hiệu.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp tổ trưởng, giao ban chuyên môn theo lịch nhà trường; báo cáo kết quả hoạt động của tổ định kỳ hoặc đột xuất khi được yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả các hoạt động: trải nghiệm, ngoại khóa, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giáo dục kỹ năng sống,... theo kế hoạch của nhà trường.

3.2. Tổ văn phòng

Tổ trưởng tổ văn phòng chịu trách nhiệm điều phối hoạt động chung của tổ, gồm các vị trí công việc: văn thư, thiết bị, thư viện, y tế học đường, tài vụ,... (không tách riêng nhân viên thiết bị và thư viện đối với cấp tiểu học). Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí công việc.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định.

- Phổ biến và triển khai đầy đủ các kế hoạch, nhiệm vụ được giao từ Ban giám hiệu và cấp trên tới các thành viên trong tổ.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chuyên môn nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, hồ sơ, dữ liệu phục vụ tốt các hoạt động dạy và học.

- Tổ chức giao ban tổ định kỳ; tổng hợp và báo cáo tiến độ công việc theo yêu cầu của Ban giám hiệu.

- Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công việc, đặc biệt trong việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, thiết bị, thư viện, tài chính,...

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập và duy trì hoạt động của Ban Chỉ huy Liên đội, các sao nhi đồng; Lựa chọn, kiện toàn Ban chỉ huy Liên đội đầu năm học; hướng dẫn tổ

chức hoạt động của các sao nhi đồng tại các lớp, đảm bảo phù hợp với tâm sinh lý học sinh tiểu học và điều kiện thực tế của nhà trường.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác Đội: Soạn thảo kế hoạch hoạt động đội theo năm học, bám sát hướng dẫn của Hội đồng Đội cấp trên và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường; tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, phong trào học sinh: Chủ động phối hợp với Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tổ chức các phong trào thi đua, sinh hoạt tập thể, các cuộc thi, ngày hội,... góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Xây dựng bộ tiêu chí thi đua và đánh giá công tác Đội: Cụ thể hóa tiêu chí thi đua giữa các chi đội, lớp nhi đồng; hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện đội viên, sao nhi đồng theo từng kỳ, học kỳ và năm học.

- Tổ chức hoạt động sinh hoạt dưới cờ đầu tuần: Lập kế hoạch, phối hợp giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng liên quan tổ chức nội dung sinh hoạt dưới cờ có chủ đề, đảm bảo ý nghĩa giáo dục, gắn với các sự kiện chính trị, lịch sử, truyền thống địa phương và đất nước.

- Thực hiện chế độ báo cáo và tham mưu: Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động Đội với Ban giám hiệu; chủ động tham mưu, đề xuất nội dung hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của học sinh, nhà trường và địa phương.

- Chịu trách nhiệm chính trước Ban giám hiệu về công tác Đội trong nhà trường.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp phù hợp với đặc điểm học sinh, điều kiện thực tế của lớp, nhà trường và địa phương; đảm bảo giáo dục toàn diện về phẩm chất, năng lực cho học sinh;

- Lên kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo định hướng CTGDPT 2018;

- Chịu trách nhiệm giảng dạy và giáo dục học sinh theo đúng phân công chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu; thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn và quy định của ngành;

- Quản lý tốt lớp học, duy trì sĩ số, nề nếp, nền nếp học tập, vệ sinh, đạo đức học sinh; chịu trách nhiệm về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình;

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường (chi hội phụ huynh, Hội khuyến học, Đoàn Thanh niên, TPT Đội...) tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, kỹ năng sống, hoạt động ngoại khóa cho học sinh;

- Tham gia tích cực các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn tổ khối, cụm chuyên môn để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới;
- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất; ghi chép đầy đủ hồ sơ lớp học;
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn học tập và hòa nhập tốt;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Giám hiệu, đảm bảo đúng quy định và yêu cầu nhiệm vụ năm học.

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học theo tuần, kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và phẩm chất học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình và thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy bộ môn mình phụ trách;
- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm và các đoàn thể trong nhà trường trong công tác giáo dục học sinh, tổ chức hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa;
- Chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng, tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do các cấp tổ chức;
- Tích cực tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và các hoạt động khuyến học;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban giám hiệu phân công.

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên Thư viện - Thiết bị

- Tổ chức và quản lý hoạt động thư viện, thiết bị dạy học của nhà trường;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thư viện - thiết bị theo năm học;
- Tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia đọc sách, khai thác thư viện;
- Tổ chức các hoạt động: “Tuần lễ học tập suốt đời”, “Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam”, “Ngày hội đọc sách”,...;
- Tổng hợp, thống kê, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến thư viện, thiết bị theo yêu cầu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám hiệu phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch y tế trường học theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016.
- Phối hợp với trạm y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi và quản lý sức khỏe học sinh.
- Thực hiện sơ cấp cứu, xử lý ban đầu các trường hợp bệnh thông thường;
- Tư vấn về sức khỏe, vệ sinh phòng dịch, an toàn thực phẩm cho học sinh và cán bộ giáo viên.
- Tham gia kiểm tra, giám sát vệ sinh học đường, xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp.
- Quản lý hồ sơ sức khỏe, lập và lưu trữ phiếu khám sức khỏe học sinh;
- Phối hợp với công ty bảo hiểm triển khai chính sách BHYT, BHTT cho học sinh và giáo viên;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban giám hiệu.

7.3. Nhân viên kế toán

- Xây dựng dự toán thu - chi theo tháng, quý, năm; đảm bảo đúng quy định tài chính.
- Thực hiện quyết toán kinh phí kịp thời, chính xác theo chế độ hiện hành;
- Quản lý tiền lương, chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên;
- Phối hợp với GVCN rà soát, đề xuất kinh phí hỗ trợ học sinh theo các chính sách hiện hành;
- Thẩm định giá trị hợp đồng, quản lý chi phí sinh hoạt cho học sinh bán trú;
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất và công tác mua sắm trang thiết bị của nhà trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám hiệu phân công.

7.4. Nhân viên phục vụ, văn thư

- Quản lý, bảo quản tốt các dụng cụ, trang thiết bị được giao;
- Đảm bảo nước uống, an toàn thực phẩm, vệ sinh cho cán bộ, giáo viên;
- Thường trực công văn đi - đến, lưu trữ văn bản theo quy định;
- Phối hợp với bảo vệ, GVCN trong việc giữ gìn môi trường sư phạm, đảm bảo nền nếp nội quy;
- Thực hiện các công việc khác do Ban giám hiệu phân công.

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong phạm vi nhà trường;

- Phối hợp xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến an ninh học đường;
- Thực hiện và giám sát công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý thiết bị PCCC;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám hiệu phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Hua Thanh. Nhà trường tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện và báo cáo kế hoạch với cấp ủy, chính quyền địa phương và Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã (để b/c);
- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu: Hồ sơ trường.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thu Hiền